TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện
Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Thanh L – Luật sư của công ty L1 – chi nhánh Đ thuộc đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt

* Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1992 địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông T không lo làm ăn, thường say xỉn lại có thói quen đánh đập, sử dụng

các hung khí nguy hiểm để đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà A. Bên cạnh đó, ông T còn thường xuyên dùng những lời lẽ nặng nề để lăng mạ, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà A, gây tổn thương đến vợ cũng như hai con. Khi xảy ra các sự việc kể trên, bà Á cũng đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông T vẫn không thay đổi, ông vẫn tiếp diễn thói vũ phu, có những lời nói miệt thị bà và cũng nhiều lần đập điện thoại, vứt đồ và đuổi bà ra khỏi nhà. Mặc dù, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc nhưng vì lo nghĩ cho các con nên bà A luôn nhẫn nhịn để cho hai con có một mái ấm gia đình trọn vẹn. Nhưng đến nay mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng hơn khiến bà bị ảnh hưởng tâm lý và sức khoẻ, bà không thể chung sống cùng với ông T được nữa. Nay, bà A không còn tình cảm gì đối ông T, không thể hàn gắn lại được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc A xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về điều kiện kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, trong thời gian chung sống giữa ông và bà A cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là áp lực công việc và gia đình nên có đôi lần ông không kiềm chế được bản thân đã dùng những lời lẻ và hành động không đúng. Ông thừa nhận đôi lúc nóng giận đã đánh vợ vì không làm chủ được bản thân, ông cảm thấy những việc làm của bản thân là sai trái, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà A. Nay bà A đề nghị ly hôn, ông không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để ông và bà A được đoàn tụ về chung sống với nhau.

- Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 24/12/2024 ông đồng ý giao hai con Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022 cho bà A trực tiếp nuôi, tôi cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên bản tự khai ngày 06/01/2025 ông đề nghị được nuôi con Nguyễn Minh Thiên Â và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh T được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao Giấy khai sinh của các con; 01 bản sao CCCD của bà A; 01 bản photo CCCD của ông T; 01 Xác nhận thông tin cư trú của ông T; Hồ sơ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A; Xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn ông Nguyễn Minh T, giao con Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Minh T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà A, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T không lo làm ăn, thường say xỉn lại có thói quen đánh đập, sử dụng các hung khí nguy hiểm để đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà A. Bên cạnh đó, ông T còn thường xuyên dùng những lời lẽ nặng nề để lăng mạ, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà A, gây tổn thương đến vợ cũng như hai con. Khi xảy ra các sự việc kể trên, bà A cũng đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông T vẫn không thay đổi, ông vẫn tiếp diễn thói vũ phu, có những lời nói miệt thị bà và cũng nhiều lần đập điện thoại, vứt đồ và đuổi bà ra khỏi nhà, mâu thuẫn gia đình giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng,

tình cảm không còn. Tại phiên toà, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bà A xác định bà A và ông T hiện tại không sống chung, mâu thuẫn không hoà giải được nên yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn. Theo ông T, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp, nguyên nhân là áp lực công việc và gia đình nên có đôi lần ông không kiềm chế được bản thân đã dùng những lời lẽ và hành động không đúng, đã đánh vợ, ông cảm thấy những việc làm của bản thân là sai trái nhưng ông xác định vẫn còn tình cảm với bà Á nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà A và ông T thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hoà thuận. Toà án đã tiến hành phiên hoà giải lần 2 nhưng ông T không tham gia. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T đã trầm trọng không hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại cả hai không còn sống chung với nhau do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A và xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Minh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022. Xét thấy con Nguyễn Quỳnh Minh N còn nhỏ tuổi, Nguyễn Minh Thiên Â mắc bệnh rối loại các hoạt động và chú ý, bản thân bà A là giáo viên dạy cấp Tiểu học nên việc giao cả 02 con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho các con phát triển tốt hơn về cả thể chất và tinh thần, do đó HĐXX giao 02 con Nguyễn Minh Thiên Â và Nguyễn Quỳnh Minh N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, xét thấy ông T làm nghề cơ khí và thu nhập tương đối ổn định nên HĐXX buộc ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông T xác định không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Minh T phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với ông Nguyễn Minh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao con Nguyễn Minh Thiên Â, sinh ngày 01/4/2018 và Nguyễn Quỳnh Minh N, sinh ngày 12/01/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)* cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu; đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Minh T phải chịu. Bà Á được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0002497ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/3/2025. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H, h. H, tp.Đà Nẵng;
(GCNKH số 06/2018);
- Lưu hồ sơ;